CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2020/NĐ-CP	_____
	Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ, KINH DOANH XĂNG DẦU VÀ KHÍ

_____

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Hành vi vi phạm trong lĩnh vực dầu khí, thăm dò, khai thác dầu khí (bao gồm việc thực hiện các công việc tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, thu dọn công trình dầu khí, xây dựng, lắp đặt, vận hành công trình khai thác dầu khí, lọc dầu, hóa dầu, xử lý và chế biến dầu khí, tàng trữ, vận chuyển sản phẩm dầu khí và dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho các công việc nêu trên);

b) Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh xăng dầu;

c) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh xăng dầu;

d) Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh khí;

đ) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh khí.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí về bảo vệ môi trường; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; phòng cháy và chữa cháy tại các công trình dầu khí, cơ sở kinh doanh xăng dầu và khí; đăng ký giá, kê khai giá bán xăng dầu và khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG); công khai thông tin về giá bán xăng dầu và khí, Quỹ bình ổn giá xăng dầu thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);

b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

d) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Giấy phép kinh doanh xăng dầu" gồm: Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. “Giấy phép kinh doanh khí” gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG, Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải và các loại Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực được cấp trước thời điểm Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí có hiệu lực (gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG/LNG/CNG, Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG, Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG).

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu hình thức xử phạt chính là phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức; mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

c) Trục xuất.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu, khí;

c) Buộc thu hồi chai LPG, LPG chai hoặc LPG chai mini không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

đ) Buộc thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng khí không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng;

e) Buộc trả lại chai LPG cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

Điều 5. Quy định về mức phạt tiền

Mức phạt tiền quy định tại các Chương II, III và IV của Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện thì phạt

tiền bằng một nửa mức phạt tiền quy định đối với tổ chức.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC DẦU KHÍ

Điều 6. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động thăm dò dầu khí

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không nộp tài liệu và mẫu vật thu được trong quá trình khoan cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi khoan ra ngoài diện tích ghi trong hợp đồng dầu khí khi cơ quan có thẩm quyền chưa cho phép mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí khi hợp đồng dầu khí hoặc chương trình công tác và ngân sách hàng năm chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí tại khu vực nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi xâm phạm vùng thuộc đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm nghiên cứu, tìm kiếm thăm dò dầu khí mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

6. Phạt tiền bằng mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 7. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động phát triển mỏ và khai thác dầu khí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ sổ sách ghi chép về các hoạt động phát triển mỏ, khai thác dầu khí, công tác đo lường thiết bị, đo lưu lượng tổng hoặc thiết bị kiểm tra lưu lượng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác dầu khí với sản lượng làm giảm áp suất vỉa xuống thấp hơn mức áp suất đã được phê duyệt mà không được sự cho phép của các cấp có thẩm quyền theo quy định;

b) Không thực hiện đúng quy trình về đốt và xả khí đồng hành;

c) Trong quá trình thử giếng mà khai thác vượt quá khối lượng đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cho phép đốt hoặc hủy;

d) Khai thác khí đồng hành trong trường hợp tỷ suất khí dầu cao hơn giới hạn đã phê duyệt khi chưa có sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện yêu cầu của Chính phủ Việt Nam về việc bán dầu thô và khí thiên nhiên tại thị trường Việt Nam;

b) Không thực hiện đúng nội dung kế hoạch phát triển mỏ, kế hoạch khai thác sớm dầu khí đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tiến hành hoạt động phát triển mỏ và khai thác dầu khí khi kế hoạch phát triển mỏ hoặc chương trình công tác và ngân sách hàng năm tương ứng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Khai thác dầu khí vượt ra ngoài diện tích ghi trong hợp đồng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

5. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động khai thác dầu khí tại khu vực mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm.

6. Phạt tiền từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi xâm phạm vùng thuộc đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm khai thác dầu khí.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 8. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động kết thúc dự án tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kế hoạch thu dọn cho việc tháo dỡ các công trình cố định phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo quy định.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tiến hành tháo dỡ các công trình cố định phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo kế hoạch thu dọn cho việc tháo dỡ các công trình đó đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không thực hiện đúng quy định về bảo quản và hủy giếng khoan dầu khí.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về an toàn, an ninh dầu khí

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng, không duy trì hoặc không phát triển hệ thống quản lý an toàn theo quy định;

b) Không xây dựng đầy đủ các tài liệu quản lý an toàn bao gồm: Chương trình quản lý an toàn, Báo cáo đánh giá rủi ro, Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thiết lập vùng an toàn và không duy trì tín hiệu an toàn cho các công trình phục vụ hoạt động dầu khí theo quy định;

b) Đưa các công trình tìm kiếm thăm dò, khai thác vào vận hành nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Thả neo trái phép các phương tiện tàu, thuyền trong phạm vi 02 hải lý tính từ rìa ngoài cùng của công trình dầu khí biển;

d) Xâm nhập trái phép hoặc tiến hành các hoạt động dưới bất kỳ hình thức nào trong vùng an toàn dầu khí của các công trình dầu khí trên biển khi chưa được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc tiến hành hợp pháp các hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của công trình tìm kiếm thăm dò, khai thác từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về ứng phó sự cố tràn dầu

Các hành vi vi phạm quy định về ứng phó sự cố tràn dầu bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về an toàn đối với công trình dầu khí trên đất liền

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động có nguy cơ gây hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự an toàn của công trình dầu khí sau đây:

a) Các hoạt động có khả năng gây cháy nổ, sụt lún trong phạm vi khu vực ảnh hưởng tính từ ranh giới hành lang an toàn đến ranh giới khu vực ảnh hưởng;

b) Trồng cây lâu năm trong hành lang an toàn công trình dầu khí trên đất liền;

c) Thải các chất ăn mòn;

d) Neo đỗ của các phương tiện, thiết bị có thể gây ảnh hưởng đến an toàn của công trình dầu khí.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng, duy trì quy trình vận hành, bảo dưỡng, quy định an toàn và quy trình xử lý sự cố;

b) Không lập kế hoạch bảo dưỡng, tổ chức kiểm tra, sửa chữa hư hỏng;

c) Đưa công trình dầu khí, hệ thống tuyến ống vào vận hành khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

d) Không duy trì các biển báo, biển cấm theo quy định để đảm bảo an toàn cho công trình, hành lang tuyến ống.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo và cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không gửi một trong các tài liệu sau đây theo quy định: Báo cáo định kỳ quý, năm về sản lượng khai thác, thành phần, tỷ lệ dầu khí khai thác của từng mỏ, từng đối tượng khai thác, khối lượng dầu khí đốt bỏ;

b) Không báo cáo tình hình thực hiện các dự án về hoạt động dầu khí hoặc báo cáo sự kiện quan trọng, sự cố liên quan đến hoạt động dầu khí;

c) Không báo cáo về công tác quản lý an toàn và các biện pháp phòng ngừa;

d) Không báo cáo về các sự cố, tai nạn theo quy định trong trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn.

2. Hành vi không cung cấp các tài liệu hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu gây cản trở cho hoạt động kiểm tra, thanh tra về dầu khí của người thi hành công vụ và của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về bảo hiểm trong hoạt động dầu khí

Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm đối với các phương tiện, công trình phục vụ hoạt động dầu khí, bảo hiểm môi trường và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với thông lệ trong công nghiệp dầu khí quốc tế.

Chương III
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH XĂNG DẦU

Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động kinh doanh nhưng không bảo đảm duy trì điều kiện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

b) Cửa hàng xăng dầu trên mặt nước hoạt động kinh doanh nhưng không bảo đảm duy trì điều kiện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước;

c) Sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu tại cơ sở không có Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu và đại lý bán lẻ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc đại lý bán lẻ xăng dầu không có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về kho, bể chứa xăng dầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối xăng dầu theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 17. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với thương nhân phân phối xăng dầu

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về kho, bể chứa xăng dầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về phòng thử nghiệm theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 18. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về cầu cảng chuyên dụng để tiếp nhận tàu chở xăng dầu hoặc phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu nội địa theo quy định;

c) Không đáp ứng điều kiện về kho tiếp nhận xăng dầu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối xăng dầu theo quy định hoặc không có phương tiện tra nạp nhiên liệu bay thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu nhiên liệu bay.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 19. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh dịch vụ xăng dầu không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu nhưng không đáp ứng điều kiện về cầu cảng chuyên dụng hoặc kho chứa theo quy định;

b) Kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu nhưng không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Hành vi vi phạm khác về điều kiện kinh doanh xăng dầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh xăng dầu.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy phép kinh doanh xăng dầu;

b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy phép kinh doanh xăng dầu.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh xăng dầu mà không có Giấy phép kinh doanh xăng dầu theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 27 Nghị định này;

b) Kinh doanh xăng dầu khi Giấy phép kinh doanh xăng dầu được cấp đã hết hiệu lực;

c) Sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu của thương nhân khác để kinh doanh xăng dầu;

d) Kinh doanh xăng dầu không đúng nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh xăng dầu được cấp.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh xăng dầu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này trong trường hợp đối tượng vi phạm kinh doanh theo hình thức kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, kinh doanh phân phối xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối

với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Mục 2
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH XĂNG DẦU

Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về giá bán lẻ xăng dầu và quy trình điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi niêm yết giá bán lẻ xăng dầu không đúng với giá do thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự ý điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu không đúng thời điểm thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo hoặc không gửi quyết định về giá bán lẻ xăng dầu cho các đơn vị trong hệ thống phân phối xăng dầu trước thời điểm giá có hiệu lực thi hành khi điều chỉnh tăng, giảm giá bán lẻ xăng dầu.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về trình tự điều chỉnh giá hoặc không thực hiện đúng quy định về thời gian tối thiểu giữa hai lần điều chỉnh giá liên tiếp khi điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định khoản 2 Điều này.

Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký hệ thống phân phối xăng dầu và mua, bán xăng dầu theo hệ thống phân phối

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Gian lận trong kê khai đăng ký hệ thống phân phối;

c) Không gửi thông tin hệ thống phân phối xăng dầu cho bên giao đại lý hoặc bên nhượng quyền để đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền gấp hai lần mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này trong trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là thương nhân đầu mối.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổng đại lý kinh doanh

xăng dầu, đại lý bán lẻ xăng dầu, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu có hành vi mua hoặc bán xăng dầu với đối tượng ngoài hệ thống phân phối, trừ trường hợp bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi mua hoặc bán xăng dầu với đối tượng ngoài hệ thống phân phối, trừ trường hợp mua xăng dầu từ thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu khác và bán trực tiếp cho người tiêu dùng;

b) Thương nhân đầu mối có hành vi bán xăng dầu cho đối tượng ngoài hệ thống phân phối của thương nhân, trừ trường hợp bán cho thương nhân đầu mối khác, thương nhân phân phối xăng dầu, đơn vị trực tiếp sản xuất và bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định khoản 3 và 4 Điều này.

Điều 23. Hành vi vi phạm quy định về giao, nhận đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho nhiều hơn số lượng bên giao đại lý là tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối theo quy định;

b) Là đại lý kinh doanh xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định hoặc có hợp đồng đại lý xăng dầu nhưng đã hết hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho nhiều hơn số lượng thương nhân đầu mối theo quy định;

b) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với đại lý bán lẻ xăng dầu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định;

c) Giao đại lý xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định;

d) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân kinh doanh xăng dầu trong thời gian thương nhân kinh doanh xăng dầu đó đang là đại lý xăng dầu của thương nhân đầu mối khác hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với thương nhân phân phối xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với đại lý bán lẻ xăng dầu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định;

b) Giao đại lý xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định;

c) Ký hợp đồng làm đại lý xăng dầu cho thương nhân đầu mối khác hoặc làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác;

d) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân kinh doanh xăng dầu trong thời gian thương nhân kinh doanh xăng dầu đó đang là đại lý xăng dầu của thương nhân đầu mối khác hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giao đại lý xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định;

b) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân kinh doanh xăng dầu trong thời gian thương nhân kinh doanh xăng dầu đó đang là đại lý xăng dầu của thương nhân đầu mối khác hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác;

c) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân không đủ điều kiện làm đại lý xăng dầu theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về ký hợp đồng mua bán xăng dầu, hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng làm thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu với nhiều hơn số lượng thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu theo quy định;

b) Ký hợp đồng làm đại lý cho tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với thương nhân phân phối xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua xăng dầu từ thương nhân đầu mối hoặc công ty con được ủy quyền của thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác mà không có hợp đồng mua bán xăng dầu theo quy định;

b) Ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu không đủ điều kiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu khi thương nhân này đang thuộc hệ thống phân phối của thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối khác;

b) Bán xăng dầu cho thương nhân phân phối xăng dầu không đủ điều kiện theo quy định hoặc không có hợp đồng mua bán xăng dầu theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 25. Hành vi vi phạm quy định về chuyển tải, sang mạn xăng dầu

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chuyển tải, sang mạn xăng dầu không đúng vị trí quy định hoặc chuyển tải, sang mạn xăng dầu từ tàu lớn hoặc phương tiện vận tải khác mà cảng Việt Nam không có khả năng tiếp nhận trực tiếp không đúng quy định của cơ quan cảng vụ.

Điều 26. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển xăng dầu nhưng cửa nhập, tay van xả hoặc nắp chụp họng xả của bồn xe chứa xăng dầu không có niêm phong kẹp chì theo quy định hoặc không đúng kẹp chì, không đúng niêm phong như biên bản giao nhận xăng dầu ban đầu.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng cho thuê kho với tổng dung tích vượt quá tổng dung tích thực tế của kho;

b) Không trang bị các thiết bị để kiểm tra, giám sát phương tiện vận tải xăng dầu hoặc có trang bị thiết bị để kiểm tra, giám sát phương tiện vận tải xăng dầu nhưng không hoạt động hoặc không phát huy tác dụng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 27. Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gia công xuất khẩu xăng dầu và nguyên liệu sản xuất xăng dầu

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thương nhân sản xuất xăng dầu xuất khẩu xăng dầu không phải do mình sản xuất hoặc gia công xuất khẩu.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu sản xuất xăng dầu khi không có Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu theo quy định hoặc Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi.

3. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu xăng dầu thấp hơn hạn mức tối thiểu về số lượng, chủng loại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân giao hằng năm;

b) Nhập khẩu xăng dầu không đúng tiến độ theo quý hoặc theo văn bản quy định tiến độ nhập khẩu cụ thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 28. Hành vi vi phạm quy định về pha chế xăng dầu

1. Phạt tiền từ 40.000 000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thương nhân đầu mối thực hiện pha chế xăng dầu nhưng không đăng ký cơ sở pha

chế theo quy định;

b) Thực hiện pha chế xăng dầu tại địa điểm không phải nơi sản xuất, xưởng pha chế hoặc kho xăng dầu phục vụ cho nhu cầu nội địa của thương nhân đầu mối.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thực hiện pha chế các sản phẩm xăng dầu không có phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng xăng dầu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi pha chế xăng dầu khi không phải là thương nhân đầu mối.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và 3 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động pha chế xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 29. Hành vi vi phạm về việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm, thực hiện lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng, áp dụng và duy trì có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng xăng dầu theo quy định.

2. Phạt tiền gấp 2 lần mức phạt tiền quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu, tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo quy định, trừ trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu không thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về dự trữ xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với thương nhân sản xuất xăng dầu không duy trì mức dự trữ nguyên liệu sản xuất xăng dầu hoặc duy trì mức dự trữ nguyên liệu sản xuất xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối không duy trì mức dự trữ xăng dầu bắt buộc hoặc duy trì mức dự trữ xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu theo quy định.

Điều 31. Hành vi vi phạm quy định về vận chuyển, mua bán, trao đổi xăng dầu qua biên giới

1. Đối với hành vi vận chuyển, mua bán, trao đổi xăng dầu qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật, mức phạt tiền như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm dưới 10.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để vận chuyển xăng dầu qua biên giới trong trường hợp tang vật vi phạm có trị giá từ 100.000.000 đồng trở lên.

Điều 32. Hành vi vi phạm về kinh doanh xăng dầu nhập lậu, xăng dầu không rõ nguồn gốc, xuất xứ

Áp dụng các quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để xử phạt hành vi kinh doanh xăng dầu nhập lậu, xăng dầu không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Điều 33. Hành vi vi phạm quy định về quản lý kinh doanh xăng dầu tại khu vực biên giới và trên các vùng biển

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm dưới 10.000.000 đồng:

a) Vận chuyển xăng dầu vào khu vực biên giới không đúng quy định;

b) Buôn bán, trao đổi, sang mạn xăng dầu trên biển với tàu thuyền, phương tiện của nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định

tại khoản 1 Điều này trong trường hợp trị giá xăng dầu vi phạm từ 100.000.000 đồng trở lên.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu vực biên giới có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về thời gian bán xăng dầu tại khu vực biên giới;

b) Không thực hiện đúng quy định về phương thức, định mức bán lẻ xăng dầu cho phương tiện vãng lai nước ngoài.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về cung ứng xăng dầu khi cung ứng xăng dầu cho các cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu vực biên giới.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 6 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều này.

Điều 34. Hành vi vi phạm quy định về biển hiệu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không ghi tên hoặc ghi không đúng tên thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu cung cấp xăng dầu trên biển hiệu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi không quy định thống nhất việc ghi tên thương nhân phân phối xăng dầu trên biển hiệu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của mình.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối có hành vi không quy định thống nhất việc ghi tên thương nhân đầu mối trên biển hiệu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của mình.

4. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng (logo), chỉ dẫn thương mại bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Điều 35. Hành vi vi phạm quy định khác về bán lẻ xăng dầu

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc không ghi rõ thời gian bán hàng tại khu vực bán hàng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bán xăng dầu qua các cột bơm mini, trụ bơm lắc tay, qua thùng, can chai và các dụng cụ chứa đựng khác trừ thương nhân là hộ kinh doanh, trạm cấp phát xăng dầu thuộc lực lượng vũ trang (quốc phòng, công an) thuộc địa bàn miền núi, vùng cao theo quy định của pháp luật được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép làm đại lý bán lẻ xăng dầu với quy mô, trang thiết bị phù hợp với điều kiện kinh doanh xăng dầu ở khu vực đó.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thời gian bán hàng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giảm thời gian bán hàng so với thời gian niêm yết hoặc so với thời gian bán hàng trước đó mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không bán hàng, ngừng bán hàng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

c) Giảm lượng hàng bán ra so với thời gian trước đó mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi bán xăng dầu qua các trụ bơm xăng dầu tự động hoặc cột bơm di động khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và 5 Điều này.

Chương IV
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG KINH DOANH KHÍ

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH KHÍ

Điều 36. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG kinh doanh LPG chai có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa vào lưu thông chai LPG thuộc sở hữu hoặc chai LPG thuê theo hợp đồng không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

b) Không có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có cầu cảng hoặc hợp đồng thuê tối thiểu 05 năm cầu cảng thuộc hệ thống cảng Việt Nam đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng theo quy định;

b) Bồn chứa khí thuộc sở hữu hoặc bồn chứa khí thuê theo hợp đồng không đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định;

c) Không có bồn chứa khí hoặc không có hợp đồng thuê bồn chứa khí theo quy định.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí kinh doanh khí qua đường ống mà không có trạm cấp khí đáp ứng các điều kiện

về an toàn theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu khí khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí đã hết thời hạn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi, trừ trường hợp là thương nhân sản xuất, chế biến khí đáp ứng đủ điều kiện của thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí theo quy định;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

c) Cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn để sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi chai LPG không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất khí đối với hành vi nhập khẩu khí quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 37. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện đối với thương nhân sản xuất, chế biến khí

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất, chế biến khí tại cơ sở chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng;

b) Không có phòng thử nghiệm chất lượng khí đủ năng lực thử nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc sở hữu hoặc thuê theo hợp đồng tối thiểu 01 năm theo quy định;

c) Dây chuyền, máy, thiết bị không được kiểm định theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất, chế biến LNG mà không có hệ thống bơm, nạp LNG để vận chuyển hoặc không có hệ thống thiết bị phục vụ hoạt động hóa khí cung cấp cho khách hàng;

b) Sản xuất, chế biến CNG mà không có trạm nén khí CNG theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động sản xuất, chế biến khí từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động sản xuất, chế biến LNG từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động sản xuất, chế biến CNG từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 38. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Có bồn chứa khí nhưng không đáp ứng quy định về an toàn theo quy định;

b) Có chai LPG nhưng không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

c) Không có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định này:

a) Mua, bán khí khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí đã hết thời hạn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

c) Cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn để sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống mà không có trạm cấp khí đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn theo quy định.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thương nhân kinh doanh mua bán LNG không có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

b) Thương nhân kinh doanh mua bán CNG không có xe bồn CNG, trạm nén CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán

khí từ 01 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động mua bán khí qua đường ống từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi chai LPG không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 39. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bán lẻ LPG chai nhưng không có hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Bán lẻ LPG chai tại cơ sở không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai đã hết thời hạn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

c) Cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn để sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 40. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện đối với trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp khí vào phương tiện vận tải, trạm cấp khí, trạm nén CNG

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào xe bồn, trạm nạp khí vào phương tiện vận tải, trạm cấp khí, trạm nén CNG chưa được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;

b) Thương nhân có trạm nạp LPG vào chai không có kho chứa LPG chai đáp ứng quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

b) Cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn để sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nạp LPG vào chai mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai theo quy định;

b) Nạp LPG vào chai khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai đã hết hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nạp khí vào phương tiện vận tải mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải hoặc nạp LPG vào xe bồn mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn theo quy định;

b) Nạp khí vào phương tiện vận tải khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí vào phương tiện vận tải đã hết hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí vào phương tiện vận tải đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi;

c) Nạp LPG vào xe bồn khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn đã hết hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi;

d) Tiếp tục thực hiện hoạt động cấp khí từ bồn chứa cố định hoặc hệ thống giàn chai LPG trực tiếp qua đường ống dẫn đến nơi sử dụng hoặc nén CNG vào các bồn chứa trong thời gian bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc đình chỉ hoạt động của trạm cấp khí, trạm nén CNG từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải, Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 41. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện chai LPG, LPG chai, LPG chai mini lưu thông trên thị trường

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh LPG chai không được niêm phong đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về điều kiện chai LPG (bao gồm cả chai LPG mini) lưu thông trên thị trường sau đây:

a) Lưu thông chai LPG trên thị trường không có đầy đủ hồ sơ, nguồn gốc xuất xứ của nhà sản xuất theo quy định;

b) Lưu thông trên thị trường chai LPG không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc chai LPG không được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi LPG chai, LPG chai mini, chai LPG không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 42. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, sửa chữa chai LPG nhưng không đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn, quy trình chế tạo, quy trình sửa chữa, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất, sửa chữa chai LPG nhưng không có trang thiết bị kiểm tra đáp ứng yêu cầu kiểm tra an toàn theo quy định;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

c) Cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn để sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất, sửa chữa chai LPG mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG theo quy định;

b) Tiếp tục sản xuất, sửa chữa chai LPG khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG đã hết hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, và c khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 43. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện sản xuất chai LPG mini

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi

phạm sau đây:

a) Sản xuất chai LPG mini nhưng không đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy định;

b) Không có đầy đủ dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất chai LPG mini theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

c) Không có đầy đủ thiết bị kiểm tra đáp ứng yêu cầu kiểm tra an toàn chai LPG mini theo quy định;

d) Sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

đ) Cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn để sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất chai LPG mini mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini theo quy định;

b) Tiếp tục sản xuất chai LPG mini khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini đã hết hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini đã bị tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, d khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c và đ khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Mục 2
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH KHÍ

Điều 44. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh khí của thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, thương nhân sản xuất, chế biến khí

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo hoặc báo cáo hệ thống phân phối, nhãn hiệu hàng hoá, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và mua bán khí trên thị trường đến Bộ Công Thương không đúng thời hạn quy định;

b) Sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng không có đầy đủ các thông tin sau về LPG chai: chủ sở hữu, loại chai, số sê ri chai, hạn kiểm định trên chai, tên và địa chỉ thương nhân mua LPG chai, khách hàng sử dụng, ngày giao nhận LPG chai;

c) Thực hiện pha chế khí nhưng không có cam kết bảo đảm chất lượng phụ gia không ảnh hưởng đến an toàn cho người, động vật, thực vật, môi trường và chất lượng khí theo quy

định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại cơ sở kinh doanh khí theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, nhân viên làm việc tại cơ sở kinh doanh khí không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định;

d) Kinh doanh LPG chai nhưng không lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định các chai LPG, bồn chứa khí, thiết bị phụ trợ dùng LPG, thiết bị phụ trợ kinh doanh LNG, CNG thuộc sở hữu thương nhân theo quy định;

b) Không quy định giá bán khí, LPG chai cho thương nhân thuộc hệ thống mình quản lý theo quy định;

c) Bán khí hoặc bán LPG chai cho thương nhân kinh doanh khí không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khí theo quy định.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng khí không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng;

b) Chiếm giữ trái phép, mua, bán, trao đổi, lưu trữ, thu gom chai LPG không thuộc sở hữu mà không có hợp đồng mua bán chai LPG, hợp đồng thuê chai LPG hoặc không có thoả thuận về việc trao đổi chai LPG với chủ sở hữu chai LPG, trừ trường hợp thuê nạp;

c) Mua, bán chai LPG và LPG chai không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 4 Điều này, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc đình chỉ hoạt động sản xuất, chế biến, pha chế khí từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm a và b khoản 3 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

c) Đình chỉ hoạt động mua bán LPG chai từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại chai LPG cho chủ sở hữu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này trong trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp

chai LPG không có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

b) Buộc thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế các chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng khí không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3, điểm b và c khoản 4 Điều này.

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh khí của thương nhân kinh doanh mua bán khí

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại cơ sở kinh doanh khí theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, nhân viên làm việc tại cơ sở kinh doanh khí không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định;

d) Không báo cáo hoặc báo cáo hệ thống phân phối, nhãn hiệu hàng hoá và hoạt động mua bán khí trên thị trường đến Sở Công Thương nơi thương nhân có trụ sở chính không đúng thời hạn quy định;

đ) Sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng không có đầy đủ các thông tin sau về LPG chai: chủ sở hữu, loại chai, số sê ri chai, hạn kiểm định trên chai, tên và địa chỉ thương nhân mua LPG chai, khách hàng sử dụng, ngày giao nhận LPG chai.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định các chai LPG, bồn chứa khí, thiết bị phụ trợ dùng LPG, thiết bị phụ trợ kinh doanh LNG, CNG thuộc sở hữu thương nhân;

b) Không quy định giá bán khí, LPG chai cho thương nhân thuộc hệ thống mình quản lý theo quy định;

c) Kinh doanh LPG chai nhưng không lập sổ hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi LPG chai bán cho thương nhân kinh doanh LPG khác hoặc khách hàng sử dụng;

d) Bán khí hoặc bán LPG chai cho thương nhân kinh doanh khí không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khí theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng khí không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng;

b) Chiếm giữ trái phép, mua, bán, trao đổi, lưu giữ, thu gom chai LPG không thuộc sở hữu mà không có hợp đồng mua bán chai LPG, hợp đồng thuê chai LPG hoặc không có thoả thuận về việc trao đổi chai LPG với chủ sở hữu chai LPG, trừ trường hợp thuê nạp;

c) Mua, bán chai LPG và LPG chai không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

d) Ký hợp đồng mua bán khí với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí hoặc thương nhân kinh doanh mua bán khí không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí theo quy định hoặc ký hợp đồng mua bán khí với thương nhân sản xuất, chế biến khí không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khí theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều này, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm a và b khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán khí từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại chai LPG cho chủ sở hữu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này trong trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp chai LPG không có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

b) Buộc thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế các chai LPG, thiết bị phụ trợ dùng khí không bảo đảm an toàn cho khách hàng sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2, điểm b, c và d khoản 3 Điều này.

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh LPG tại cửa hàng bán lẻ LPG chai

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kiểm tra độ kín của van chai, các đầu nối và ống mềm khi lắp đặt mới hoặc thay chai LPG cho khách hàng sử dụng;

b) Lắp đặt mới hoặc thay chai LPG cho khách hàng sử dụng mà không có sự chứng kiến quá trình kiểm tra và ký tên xác nhận vào biên bản giao nhận của khách hàng sử dụng theo quy định;

c) Không cung cấp tài liệu hướng dẫn và hướng dẫn trực tiếp các thông tin cần thiết về an toàn khi sử dụng LPG, các biện pháp đề phòng, các bước xử lý khi LPG rò rỉ; quy trình sử dụng bếp ga, chai chứa và các phụ kiện kèm theo cho khách hàng sử dụng bếp ga, chai LPG của cửa hàng;

d) Cung cấp LPG chai cho khách hàng sử dụng nhưng không cung cấp cho khách hàng hoặc không lưu tại cửa hàng phiếu giao hàng có đủ các thông tin về chủ sở hữu, loại chai, số sê ri chai, nơi nhập chai chứa cho cửa hàng, tên và địa chỉ khách hàng sử dụng, ngày giao chai cho khách hàng, tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ của cửa hàng;

đ) Không treo biển hiệu, biểu tượng của thương nhân kinh doanh LPG ký hợp đồng bán LPG chai với cửa hàng;

e) Lập sổ hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi chai LPG đối với LPG chai bán tại cửa hàng bán lẻ LPG chai nhưng không có đủ các thông tin về chai LPG theo quy định.

2. Phạt tiền 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, nhân viên làm việc tại cửa hàng bán lẻ LPG chai không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

c) Bán cho khách hàng LPG chai không còn nguyên niêm phong, bị rò rỉ hoặc không bảo đảm chất lượng, khối lượng ghi trên nhãn hàng hóa theo quy định;

d) Thay thế hoặc cung cấp cho khách hàng các loại phụ kiện không đảm bảo an toàn khi sử dụng hoặc không phải là phụ kiện chuyên dùng cho sử dụng với LPG theo quy định;

đ) Không có sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi chai LPG đối với LPG chai bán tại cửa hàng bán lẻ LPG chai.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua, bán LPG chai, LPG chai mini hoặc chai LPG không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

b) Bán LPG chai của thương nhân kinh doanh LPG khác mà không có hợp đồng hoặc bán LPG chai ngoài hợp đồng đã ký;

c) Lưu trữ, thu gom chai LPG của thương nhân kinh doanh LPG khác ngoài hợp đồng mà cửa hàng đã ký.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

c) Tước quyền sử dụng dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại chai LPG cho chủ sở hữu đối với vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều này trong trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp chai LPG không có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm a và b khoản 3 Điều này;

c) Buộc thu hồi LPG chai không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về nạp LPG vào chai

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động tại trạm nạp LPG vào chai theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, nhân viên làm việc tại trạm nạp LPG vào chai không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định;

d) Lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý nạp LPG vào chai LPG tại trạm nạp nhưng không có đủ các thông tin về chai LPG theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lưu trữ chai LPG và LPG chai của thương nhân khác không có hợp đồng thuê nạp LPG vào chai tại trạm nạp;

b) Ký hợp đồng nạp LPG vào chai với thương nhân không có Giấy phép kinh doanh khí còn hiệu lực hoặc không có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo quy định;

c) Không lập sổ theo dõi hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý nạp LPG vào chai LPG tại trạm nạp.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nạp LPG vào chai LPG không đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

b) Nạp LPG vào chai LPG không thuộc sở hữu của thương nhân chủ sở hữu trạm nạp, trừ trường hợp có hợp đồng thuê nạp;

c) Nạp LPG có khối lượng, chất lượng LPG không phù hợp với nhãn hàng hóa, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chất lượng do thương nhân sản xuất, chế biến khí hoặc thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí công bố theo quy định vào chai LPG;

d) Thực hiện hành vi san, chiết, nạp LPG trái phép từ bồn chứa khí, xe bồn vào chai LPG hoặc từ chai LPG dung tích lớn sang chai LPG có dung tích nhỏ hơn, chai LPG mini.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại chai LPG cho chủ sở hữu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm b và c khoản 3 Điều này trong trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp chai LPG không có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại

điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về nạp khí vào phương tiện vận tải

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không ghi đầy đủ, rõ ràng biển hiệu, biểu tượng của trạm nạp khí vào phương tiện vận tải theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mệt trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động làm việc tại trạm nạp khí vào phương tiện vận tải theo quy định;

c) Sử dụng người quản lý, người lao động làm việc tại trạm nạp khí vào phương tiện vận tải không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về quản lý an toàn trạm nạp khí vào phương tiện vận tải theo quy định.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vị phạm sau đây:

a) Nạp LPG vào phương tiện vận tải không sử dụng nhiên liệu LPG;

b) Nạp LNG vào phương tiện vận tải không sử dụng nhiên liệu LNG;

c) Nạp CNG vào phương tiện vận tải không sử dụng nhiên liệu CNG.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí vào phương tiện vận tải 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 49. Hành vi vi phạm quy định về nạp LPG vào xe bồn

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động làm việc tại trạm nạp LPG vào xe bồn theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, người lao động làm việc tại trạm nạp LPG vào xe bồn không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về quản lý an toàn trạm nạp LPG vào xe bồn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nạp LPG vào xe bồn cho thương nhân không có Giấy phép kinh doanh khí còn hiệu lực theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại

khoản 3 Điều này.

Điều 50. Hành vi vi phạm quy định về cấp khí

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thông báo cho khách hàng mua khí khi điều chỉnh giá bán khí;

b) Không cung cấp cho khách hàng bản hướng dẫn an toàn sử dụng khí hoặc cung cấp cho khách hàng bản hướng dẫn an toàn sử dụng khí không ghi số điện thoại của trạm cấp khí, nhân viên trực tiếp quản lý trạm cấp khí theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động làm việc tại trạm nạp cấp khí theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, người lao động làm việc tại trạm cấp khí không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau đây:

a) Bán khí cho khách hàng không có hợp đồng mua khí hoặc khách hàng có hợp đồng mua khí nhưng không đáp ứng các quy định về an toàn sử dụng khí;

b) Không thực hiện kiểm tra an toàn, phương tiện, thiết bị đo lường, độ kín van khóa, van an toàn, thiết bị phụ trợ dùng khí, các đầu nối tiếp xúc, đường ống dẫn khí đến khách hàng theo quy định.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cấp LPG cho khách hàng mua LPG không qua đường ống dẫn hoặc phương tiện vận chuyển chuyên dụng đáp ứng đủ điều kiện nhận LPG theo quy định;

b) Cấp LNG, CNG cho khách hàng mua LNG, CNG không qua đường ống dẫn theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của trạm cấp khí từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 51. Hành vi vi phạm quy định về nén CNG

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động làm việc tại trạm nạp nén CNG theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, người lao động làm việc tại trạm nén CNG không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về quản lý an toàn trạm cấp khí khác theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị của trạm nén CNG đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của trạm nén CNG từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 52. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khí, bồn chứa khí, kho chứa LPG chai, vận chuyển khí

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tổ chức huấn luyện hoặc thuê tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người lao động làm việc tại cơ sở kinh doanh khí theo quy định;

b) Sử dụng người quản lý, người lao động làm việc tại cơ sở kinh doanh khí, kể cả người điều khiển phương tiện vận chuyển khí, không được huấn luyện về kỹ thuật an toàn theo quy định;

c) Không xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với thương nhân kinh doanh vận chuyển khí có một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vận chuyển khí cho thương nhân không có Giấy phép kinh doanh khí còn hiệu lực theo quy định;

b) Vận chuyển khí không có nguồn gốc xuất xứ hoặc LPG chai nhưng chai LPG không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường;

c) Mua, bán hoặc vận chuyển các loại chai LPG và LPG chai của thương nhân kinh doanh LPG khác không có hợp đồng.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê bồn chứa khí, kho chứa LPG chai không đáp ứng các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

4. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê cảng xuất, nhập khí không đáp ứng các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Tịch thu tang vật vi phạm đối vợi hành vi vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại LPG chai hoặc chai LPG cho chủ sở hữu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này trong trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp chai LPG không có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 53. Hành vi vi phạm quy định về sản xuất, sửa chữa chai LPG và sản xuất chai LPG mini

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công bố hợp quy đối với chai LPG, chai LPG mini theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lập hồ sơ chai LPG, chai LPG mini theo quy định;

b) Đưa các chai LPG có số sêri trùng nhau ra thị trường;

c) Sửa chữa chai LPG không có nguồn gốc xuất xứ.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi làm thay đổi hình dạng, kết cấu, trọng lượng ban đầu của chai LPG mà không có thỏa thuận hợp pháp của chủ sở hữu chai LPG sau đây:

a) Thay tay xách chai LPG;

b) Xóa bỏ hoặc thay đổi logo của chai LPG;

c) Hàn gắn thêm kim loại vào chai LPG;

d) Tráo đổi van đầu chai LPG;

đ) Sửa đổi các thông số kỹ thuật ban đầu của chai LPG hoặc hành vi khác làm thay đổi hình dạng, kết cấu, trọng lượng ban đầu của chai LPG.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG từ 03 tháng đến 06 tháng hoặc đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi chai LPG, chai LPG mini không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này.

Điều 54. Hành vi vi phạm quy định khác về kinh doanh khí

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng LPG chai mini nạp lại đối với chai LPG mini không được phép nạp lại trong cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;

b) Vận chuyển LPG chai cùng với người trong thang máy, trừ người trực tiếp vận chuyển.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển LPG chai bằng xe gắn máy (hai bánh) nhưng không có giá đỡ LPG chai hoặc xếp đặt LPG chai trên phương tiện vận chuyển không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển LPG chai bằng ô tô nhưng xếp đặt LPG chai trên phương tiện vận chuyển không đúng quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tồn chứa chai LPG, LPG chai tại kho chứa không bảo đảm an toàn về kho chứa chai LPG theo quy định.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, thương nhân sản xuất, chế biến khí, thương nhân mua bán khí không thông báo bằng văn bản tới các đơn vị trong hệ thống phân phối và Sở Công Thương, Sở Tài chính nơi có hệ thông phân phối của thương nhân khi có sự thay đổi về giá bán LPG theo quy định;

b) Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí, thương nhân sản xuất, chế biến khí không thông báo về Bộ Khoa học và Công nghệ tiêu chuẩn của phụ gia được sử dụng để pha chế khí theo quy định;

c) Mua, bán, vận chuyển, lưu trữ chai LPG và LPG chai khi không phải là cơ sở kinh doanh LPG theo quy định, trừ trường hợp mua để sử dụng phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 5 Điều này, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 7 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại chai LPG cho chủ sở hữu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này trong trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp chai LPG không có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

Chương V
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 55. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 56 đến Điều 62 của Nghị định này.

2. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trong các cơ quan quy định tại Điều 57, Điều 58 và Điều 59 của Nghị định này; công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

Điều 56. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 57. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông;

Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu có quyền:

A) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất.

Điều 58. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 59. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

5. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

6. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 60. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan

1. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 61. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ và e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có

thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 62. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra sở và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với tổ chức đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu, Giấy phép kinh doanh khí có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 63. Phân định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Công an nhân dân, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Quản lý thị trường và Thanh tra

1. Phân định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 33; khoản 1, 3 Điều 35; khoản 1 Điều 46 và khoản 1, 2, 3, 4 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 3, 4 Điều 20); khoản 1, 2, 3 Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 31; Điều 33; Điều 34; Điều 35; khoản 1, 2 Điều 36; Điều 37; khoản 1, 2, 3 Điều 38; Điều 39; khoản 1, 2, 3 Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; khoản 1, 2, 3 Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51; khoản 1,2 Điều 52; Điều 53 và Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 56 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này (trừ trường hợp người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 4, 5, 6 Điều 6 và khoản 5, 6 Điều 7) theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 56 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân:

a) Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1, 2, 3 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 11; Điều 12; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 Điều 20); khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 22; Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1, 2 Điều 29; điểm a, b, c khoản 1 Điều 31; khoản 1, 2, 3, điểm a khoản 7, khoản 8 Điều 33; khoản 1, 2 Điều 34; khoản 1, 3, 4 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 42; điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 43; khoản 1 Điều 44; khoản 1 Điều 45; khoản 1, điểm a, b, d, đ khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 46; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 47; khoản 1, 2 Điều 48; khoản 1 Điều 49; khoản 1, 2 Điều 50; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 và khoản 1, 2, 3, 4, điểm a, b khoản 5 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 3, 4 Điều 20); khoản 1,2, 3 Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 31; Điều 33; Điều 34; Điều 35; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 36; Điều 37; điểm a, c khoản 1, khoản 2, 3 Điều 38; Điều 39; khoản 1, 2, 3 Điều 40; Điều 42; Điều 43; khoản 1,2,3 Điều 44; Điều 45; khoản 1, điểm a, b, d, đ khoản 2, điểm b, c khoản 3 Điều *46;* Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51; khoản 1, 2 Điều 52; khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 53 và Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

e) Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này (trừ trường hợp người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 4, 5, 6 Điều 6; khoản 5, 6 Điều 7; hành vi tại khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 41; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 46; điểm a, b khoản 2 Điều 53) theo thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

g) Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này (trừ hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 41; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 46; điểm a, b khoản 2 Điều 53) theo thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 57 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Phân định thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng:

a) Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 58 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1, khoản 2, 3 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 58 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 11; điểm c khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 Điều 20); Điều 25; khoản 1 Điều 26; điểm a, b, c khoản 1 Điều 31; khoản 1, 2, 3, điểm a khoản 7, 8 Điều 33; khoản 1,3,4 Điều 35; khoản 1 Điều 52 và khoản 1, 2, 3, 4, điểm a, b khoản 5 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 58 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 (trừ trường hợp người nước ngoài có hành vi vi phạm tại khoản 4, 5, 6 Điều 6); khoản 4, 5, 6 Điều 7 (trừ trường hợp người nước ngoài có hành vi vi phạm tại khoản 5, 6 Điều 7); khoản 2 Điều 8; khoản 1, điểm a, c và d khoản 2, khoản 3 Điều 9; khoản 1, điểm c và d khoản 2 Điều 11; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; khoản 3, 4 Điều 22; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 24; Điều 25; Điều 26; khoản 1, 2 Điều 27; khoản 1, 3 Điều 28; Điều 31; Điều 33; Điều 35; Điều 52 và Điều 54 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 58 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Phân định thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển Việt Nam:

a) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 59 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 7 Điều 33 và khoản 1 Điều 34 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 59 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 19; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 Điều 20); khoản 1 Điều 21; Điều 25; điểm a, b, c khoản 1 Điều 31; khoản 1, 2, 3, điểm a khoản 7, khoản 8 Điều 33; khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 52 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9; Điều 13; điểm c khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 19; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 Điều 20); khoản 1 Điều 21; Điều 25; khoản 1 Điều 28; điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 31; khoản 1,2, 3,4, điểm a khoản 7, khoản 8 Điều 33; khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 52 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 59 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

đ) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1, điểm a, c, d khoản 2 Điều 9; Điều 13; điểm c khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 18; khoản 1 Điều 19; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2, khoản 3, 4 Điều 20); khoản 1, 3 Điều 21; Điều 25; khoản 1 Điều 28; Điều 31; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, điểm a khoản 7, khoản 8 Điều 33; khoản 1 Điều 34; khoản 1, 4 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 47 và khoản 1 Điều 52 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 59 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

e) Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 2, 3, điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 7 (trừ trường hợp người nước ngoài có hành vi vi phạm tại khoản 6 Điều 7); khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9; Điều 13; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 20; khoản 1, 3, 4 Điều 21; Điều 25; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 27; Điều 28; Điều 31; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, điểm a khoản 7, khoản 8 Điều 33; khoản 1 Điều 34; khoản 1, 4 Điều 35; điểm b khoản 1, khoản 2, 3 Điều 36; điểm a, c khoản 1, khoản 3, 4 Điều 38; điểm b khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 46; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 47; khoản 1 và 4 Điều 52 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 59 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Phân định thẩm quyền xử phạt của Hải quan:

a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 Điều 20); Điều 25; khoản 1 Điều 26; điểm a, b, c khoản 1 Điều 31 và khoản 1, 2, 3, 7 Điều 33 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 60 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định tại Điều 18; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 3, 4 Điều 20); Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27; Điều 31 và Điều 33 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 60 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3, 4, 5 Điều 20; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 31; Điều 33 và điểm a, b khoản 4 Điều 36 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 60 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Phân định thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường:

a) Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 61 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 16; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 Điều 20); khoản 1 Điều 21; khoản 2 Điều 21 (trừ trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm); khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 24; Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1, 2 Điều 29; điểm a, b, c khoản 1 Điều 31; khoản 1,2, 3, 7 Điều 33; khoản 1, 2 Điều 34; Điều 35; điểm a, b khoản 2 Điều 39; Điều 41; khoản 1 Điều 42; điểm a, d khoản 1 Điều 43; khoản 1 Điều 44; khoản 1 Điều 45; khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 (trừ trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm); khoản 1, điểm b, c khoản 2 Điều 47; khoản 1, 2 Điều 48; khoản 1 Điều 49; khoản 1, 2 Điều 50; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 và Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 61 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 3, 4 Điều 20); khoản 1, 2, 3 Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 31; Điều 33; Điều 34; Điều 35; khoản 1, 2 Điều 36; Điều 37; khoản 1, 2, 3 Điều 38; Điều 39; khoản 1, 2, 3 Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; khoản 1, 2, 3 Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51; khoản 1, 2 Điều 52; Điều 53 và Điều 54 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 61 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

d) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường cố thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 4

Điều 61 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Những người có thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành Công Thương, Thanh tra chuyên ngành về giá, Thanh tra chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra chuyên ngành Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 62 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 64. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 10 năm 2020.

2. Nghị định số 67/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Thương nhân phân phối khí, thương nhân là tổng đại lý, đại lý có Giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực được cấp trước thời điểm Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí có hiệu lực thực hiện các hành vi vi phạm trong quá trình hoạt động bị xử phạt như đối với hành vi vi phạm của thương nhân kinh doanh mua bán khí.

Điều 65. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT,

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).